

Bản án số: 676/2023/DS-PT

Ngày: 22 - 9 - 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Hà Huy Cầu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 549/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 1290/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hà Thúy H, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số D đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số E đường H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Bà Dương Thị P (Dương Phung T), sinh năm 1950

Địa chỉ: A M, Willood-NSW 2163, Australia.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Phan Ngọc B, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Số D T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Dương Thị P (có ông Phan Ngọc B là đại diện theo ủy quyền).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Hà Thúy H trình bày:*

Bà Hà Thúy H và bà Dương Thị P có quen biết nhau từ lâu trong làm ăn cũng như trong cuộc sống. Ngày 20/9/2008, vì cần tiền làm ăn, bà P có hỏi mượn bà H số tiền là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) và hứa 01 (một) năm sẽ hoàn trả lại. Trong Giấy mượn tiền, bà P nói sẽ thanh toán nợ vào ngày 20/9/2009. Tuy nhiên, vài năm sau bà vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho bà H. Đến ngày 18/4/2013, bà P có viết giấy xác nhận cho bà H, theo đó bà P hứa khi nào được Thi hành án Thủ Dầu M tỉnh Bình Dương trả tiền thì bà sẽ trả số tiền nợ là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) nêu trên. Tuy nhiên, đến thời điểm này bà vẫn chưa trả.

Ngoài ra, số tiền mượn vào năm 2008 nói trên, bà P còn nhiều lần mượn bà H số tiền khác. Cụ thể:

- Ngày 23/11/2013, mượn thêm 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng);

- Ngày 20/01/2014, mượn thêm 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);

- Ngày 12/8/2014, mượn thêm 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Trong giấy ngày 12/8/2014, bà P có hứa là cầm cho bà H căn nhà tại địa chỉ số: 1 L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên bà P đã lấy lại căn nhà từ lâu. Bà H đã nhiều lần thông báo, gọi điện yêu cầu bà P thanh toán số tiền nêu trên nhưng bà vẫn cố ý không thực hiện theo yêu cầu. Bà P nhiều lần hứa sẽ thanh toán tất cả số tiền đã mượn, hai bên giải quyết hết nợ nần nhưng không thực hiện.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Dương Thị P trả số tiền nợ bà H tổng cộng là: 5.960.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng). Trả một lần dứt điểm khi bản án có hiệu lực thi hành. Do bà H và bà P chỉ cho mượn tiền làm ăn, không cho vay nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H rút một phần yêu cầu, chỉ tiếp tục yêu cầu bà P trả số tiền 5.760.000.000 đồng (Năm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng), đối với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) bà P mượn ngày 20/01/2014 thì bà H rút lại yêu cầu và sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

*Bị đơn bà Dương Thị P có người đại diện ông Phan Ngọc B trình bày:* Bà P không có vay số tiền 5.960.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng) của bà H, nếu có vay thì khi bán cho bà H khách sạn K trị giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) thì bà H đã căn trừ số tiền vay. Trong khi bà H lại chuyển cho bà M1 số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) để đặt cọc mua nhà số C N, phường C, Quận E nhưng sau đó bà M1

không bán cho bà P và bà M1 cũng không trả lại tiền cho bà P, đề nghị triệu tập bà M1 để làm rõ. Và đề nghị bác đơn khởi kiện của bà H.

Ngoài ra, bị đơn Dương Thị P có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn bà Hà Thúy H theo đó: Năm 2013, bà P và bà H có thỏa thuận nhờ bà H cho thuê căn nhà số A đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến nay bà H vẫn chưa thanh toán tiền thuê nhà cho bà P, cụ thể từ năm 2013 đến năm 2017 mỗi tháng 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), tổng cộng 192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng); từ 2018 đến tháng 6/2020 mỗi tháng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tổng cộng 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Vì vậy đề nghị Tòa án buộc bà H trả cho bà P số tiền thuê nhà 792.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi hai triệu đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B đã xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

*Người làm chứng bà Trần Thúy H1 trình bày:* Bà là chủ sở hữu nhà số A L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà không giao dịch, liên quan đến việc làm ăn, giao dịch, kiện tụng giữa bà P và bà H. Bà không ký kết hợp đồng thuê nhà nào giữa ba bên liên quan đến căn nhà 1 L, phường B, Quận A mà bà đang sở hữu và đứng tên. Bà xin được vắng mặt.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 1290/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hà Thúy H:

Buộc bị đơn bà Dương Thị P phải trả cho nguyên đơn bà Hà Thúy H số tiền nợ 5.760.000.000 (Năm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Hà Thúy H về việc yêu cầu buộc bị đơn bà Dương Thị P trả cho nguyên đơn bà Hà Thúy H số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Dương Thị P về việc yêu cầu buộc nguyên đơn bà Hà Thúy H trả cho bị đơn bà Dương Thị P số tiền thuê nhà 792.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/01/2022 bà Dương Thị P (có ông Phan Ngọc B là đại diện theo ủy quyền) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Dương Thị P (có ông Phan Ngọc B là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án do có vi phạm tố tụng. Nguyên đơn bà Hà Thúy H không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Bà P kháng cáo đề nghị xem xét lại vụ án vì Tòa án cấp sơ thẩm đã làm mất biên bản hòa giải năm 2020, bà P đã có khiếu nại nhưng đến nay Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có những vi phạm tố tụng sau:

- Xác định sai quan hệ tranh chấp;
- Đối với số tiền 5.000.000.000 đồng thì trong thỏa thuận ghi rõ là khi nào lấy tiền từ cơ quan thi hành án thì bà P sẽ trả tiền cho bà H, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa được làm rõ việc thi hành số tiền này tại cơ quan thi hành án. Bị đơn có cung cấp đĩa ghi âm, trong đó có nội dung xác định bà H có lấy số tiền 5.000.000.000 đồng hay không nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không mở băng ghi âm này trong quá trình giải quyết vụ án.
- Tòa án cấp sơ thẩm chưa có căn cứ xác định năm 2019 bà P có về Việt Nam hay không, đã công nhận các giấy mượn tiền năm 2019 là không đúng.
- Đối với việc trưng cầu giám định tại cấp sơ thẩm thì nội dung nhận định của bản án sơ thẩm là không đúng, vì tại cấp sơ thẩm Tòa án không có đối chiếu bản chính.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn yêu cầu giám định tại phân viện Khoa học hình sự Bộ C, và đề nghị giám định chữ ký chữ viết bà H trong tờ cổ nhà nhưng Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định tại Phân viện Khoa học hình sự công an Thành phố H, ngoài ra trong kết luận giám định không giám định chữ ký chữ viết bà H. Trong các tài liệu cần giám định có tờ cổ nhà thu thập trong hồ sơ vụ án khác, nhưng cơ quan giám định cho rằng dấu vân tay trong tài liệu trên là in phun, như vậy là ảnh hưởng đến vụ án khác đang giải quyết. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để tiếp tục giám định, đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

*Nguyên đơn trình bày:* Lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không đúng. Tại cấp sơ thẩm, bị đơn đã không yêu cầu giám định, bà P đã nợ tiền bà từ lâu, và mượn nhiều lần, bà P có hẹn lấy tiền ở Bình Dương để trả nợ cho bà, nhưng bà P trả cho người khác nên bà mới khởi kiện. Toàn bộ giấy nhận nợ là do bà P viết, bản thân bà không bao giờ giả mạo chữ ký. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà H và bà P có giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản. Thông qua các giấy nhận nợ thể hiện có chữ ký, chữ viết Dương Thị P. Bà P cho rằng không mượn nợ nhưng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy nhận nợ và giám định tiếng nói trong các băng ghi âm tại biên bản làm việc năm 2020. Nội dung trong băng ghi âm thì bà H xác nhận không có nội dung là không có nợ. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành giám định là có căn cứ. Căn cứ vào các giấy mượn nợ do nguyên đơn cung cấp thì Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị tạm dừng phiên tòa để trưng cầu giám định lại, vì cho rằng Tòa án cấp phúc thẩm đã trưng cầu không đúng cơ quan giám định và nội dung giám định không đầy đủ theo yêu cầu của đương sự. Xét thấy, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện thủ tục trưng cầu giám định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật giám định tư pháp. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị giám định lại nhưng không có căn cứ chứng minh kết luận giám định không chính xác hoặc có vi phạm pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này của bị đơn.

[2] Bà Hà Thúy H khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị P trả số tiền vay là 5.760.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy mượn tiền ngày 20/9/2008; Giấy mượn nợ ngày 18/4/2013; Giấy cổ nhà số A L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Biên nhận ngày 23/11/2013.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ gồm:

- “Giấy mượn tiền” ghi ngày 20/9/2008, có nội dung bà P mượn của bà H số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) (Ký hiệu A4);

- “Giấy mượn nợ lại” ghi ngày 18/4/2013 có nội dung bà P sẽ lấy số tiền của Thi hành án Bình Dương thanh toán cho bà H tổng cộng là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) (Ký hiệu A2);

- Giấy ghi ngày 23/11/2013 có nội dung bà P mượn bà H số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) (Ký hiệu A1);

- “Giấy cổ nhà” ghi ngày 12/8/2014 có nội dung bà P cổ (cầm cố) nhà cho bà H số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) thể hiện bà P có vay mượn tiền của bà H, đều ghi nhận đã nhận đủ tiền, cam kết về ngày trả lại tiền, có chữ ký và ghi tên Dương Thị P (Ký hiệu A3).

Xét, trên các giấy mượn nợ ghi nhận đúng tên, năm sinh, địa chỉ của bị đơn bà Dương Thị P, bà P xác nhận trên giấy đã nhận đủ tiền, cam kết thời hạn thanh toán lại cho nguyên đơn. Từ các chứng cứ trên có cơ sở xác định, bà P có mượn tiền của bà H, và có ghi giấy nợ với số tiền ghi nhận cụ thể trên 04 giấy nợ cho 03 lần nhận tiền vào ngày 18/4/2013 số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), ngày 23/11/2013 số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), và ngày 12/8/2014 số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tổng cộng 5.760.000.000 đồng (Năm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

[3.2] Xét băng ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà H và P mà bị đơn cung cấp:

Nội dung đoạn ghi âm về phần nợ ghi nhận: "*Bà P: Chị nói em chị đâu có mượn 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) mà em nói mượn 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) hết người này nói ...; Bà H: người nào nói kêu người đó gặp tôi; Bà P: nó nói bà H, bà H nói mượn 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng); Bà H: ...*", đây chính là nội dung bị đơn cho rằng nguyên đơn xác nhận bị đơn không có nợ. Tuy nhiên trong nội dung nói chuyện này không thể hiện việc nguyên đơn xác nhận bị đơn không có nợ, khi bị đơn nói về việc không có nợ thì nguyên đơn hỏi ai nói và kêu người đó gặp nguyên đơn và không nói tiếp về nội dung này. Ngoài ra, phía bị đơn còn lý luận về việc bà P có bán cho bà H khách sạn Kha Thy, nếu bà P mà thiếu nợ thì bà H đã cần trừ nợ vào số tiền phải trả. Lý luận này không được chấp nhận bởi lẽ hai giao dịch riêng biệt nhau, mặt khác thời điểm mua bán theo bị đơn trình bày là năm 2013, tuy nhiên đến năm 2014 bà H vẫn tiếp tục cho bà P vay tiền theo giấy vay ngày 12/8/2014. Vì vậy, chứng cứ bị đơn đưa ra không chứng minh được việc bị đơn không có nợ nguyên đơn, nên ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Giao dịch về việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn bà H và bà P được thể hiện bằng các giấy vay mượn tiền, phù hợp với quy định tại Điều 388, Điều 401, Điều 401, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật. Do bị đơn bà P không trả tiền nên căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, yêu cầu của nguyên đơn bà H về việc buộc bị đơn bà P phải trả cho bà H số tiền bà P đã vay 5.760.000.000 (Năm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận. Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 200.000.000 đồng mượn ngày 20/01/2014 và yêu cầu phản tố của bị đơn, thì đương sự đã rút lại các yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết trong các giấy mượn tiền, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn lại đưa ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ. Tuy vậy, tại Tòa án cấp phúc thẩm thì đại diện theo ủy quyền của bị đơn tiếp tục yêu cầu giám định, đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn trong các tài liệu mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định là chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: “Giấy mượn tiền” ghi ngày 20/9/2008 (Ký hiệu A4); “Giấy mượn nợ lại” ghi ngày 18/4/2013 (Ký hiệu A2); Giấy ghi ngày 23/11/2013 (Ký hiệu A1); “Giấy cổ nhà” ghi ngày 12/8/2014 (Ký hiệu A3). Tại Kết luận giám định số 7818/KL-KTHS ngày 17/8/2023 của Phòng K1 công an Thành phố H (giám định tại cấp phúc thẩm) thể hiện:

*“1. Chữ ký đứng tên “Dương Thị P” trên 03 (ba) tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A4 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký đứng tên “Dương Thị P” dùng làm mẫu so sánh trên 05 (năm) tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra;*

*2. Chữ ký đứng tên “Dương Thị P” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký đứng tên “Dương Thị P” dùng làm mẫu so sánh trên tài liệu ký hiệu M6 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra;*

*3. Chữ viết họ tên “Dương Thị P” trên 04 (bốn) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết họ tên “Dương Thị P” dùng làm mẫu so sánh trên 06 (sáu) tài liệu ký hiệu từ M1 đến M6 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra”;*

Căn cứ vào nội dung kết luận giám định trên thì Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[5] Án phí và chi phí tố tụng:

- Chi phí giám định: Bị đơn phải chịu số tiền 5.100.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 5.100.000 đồng, nên bị đơn đã nộp đủ số tiền này.

- Án phí: Bà Dương Thị P, sinh năm 1950 nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Hà Thúy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia

phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị P (có ông Phan Ngọc B là đại diện theo ủy quyền);

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 1290/2021/DS-ST ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 388, Điều 401, Điều 401, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hà Thúy H:

Buộc bị đơn bà Dương Thị P phải trả cho nguyên đơn bà Hà Thúy H số tiền nợ 5.760.000.000 đồng (Năm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Hà Thúy H về việc yêu cầu buộc bị đơn bà Dương Thị P trả cho nguyên đơn bà Hà Thủy H2 số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Dương Thị P về việc yêu cầu buộc nguyên đơn bà Hà Thúy H trả cho bị đơn bà Dương Thị P số tiền thuê nhà 792.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi hai triệu đồng).

4. Án phí và chi phí tố tụng:

- Chi phí giám định là 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng), bà Dương Thị P đã nộp xong số tiền này.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị P được miễn; Hoàn trả cho bà Dương Thị P số tiền 17.840.000 đồng (Mười bảy triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng



án phí phản tố đã nộp theo Biên lai thu số 0093247 ngày 17/12/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Hà Thúy H không phải chịu; Hoàn trả cho bà Hà Thúy H số tiền 56.980.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0048850 ngày 12/02/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Dương Thị P được miễn; Hoàn trả cho bà Dương Thị P số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001668 ngày 26/01/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ND (1);
- BD (1);
- Lưu (10) 17b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**